

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 01 -2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;
2. Ông Hoàng Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 777/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 11, ấp Hội Thạnh, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 11, ấp Hội Thạnh, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2020, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T1 chung sống với nhau vào năm 1997, đến năm 2004 thì mới đi đăng ký kết hôn, tại UBND xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống không còn tin tưởng nhau, ngoài ra anh Thống còn thường xuyên uống rượu dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi và vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con chung: Sinh được 02 con chung tên Lê Thị T Thảo, sinh năm 1998 tên Lê Thị Thom, sinh năm 2000, hiện tại 02 cháu đã lập gia đình.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không thiếu nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, lập ngày 05 tháng 01 năm 2021 bị đơn anh Lê Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Thu sống chung vào năm 1997, đến năm 2004 thì mới đi đăng ký kết hôn, tại UBND xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống đến tháng 8 năm 2020 thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân nào tôi không biết. Nay tôi không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con.

Về con chung: Sinh được 02 con chung tên Lê Thị T Thảo, sinh năm 1998 tên Lê Thị Thom, sinh năm 2000, hiện tại 02 cháu đã lập gia đình.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh trình bày không thiếu nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Lê Văn T1 và tuyên xử chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Văn T1.

Về con chung: 02 con chung đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Ghi nhận chị Thu, anh Thống không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Thu, anh Thống trình bày không thiếu nợ ai.

Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Phạm Thị T, bị đơn anh Lê Văn T1 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng, căn cứ vào Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Thu, anh Thống.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Thu, anh Thống sống chung có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị Thu cho

rằng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không còn tin tưởng nhau và anh Thống thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh Thống không đồng ý ly hôn vì không có mâu thuẫn. Qua xác minh được người dân địa phương cung cấp như sau: Trong thời gian chị Thu, anh Thống chung sống tại địa phương thì có thấy anh Thống có uống rượu và vợ chồng có cãi vã. Xét thấy mâu thuẫn trên đã đi đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Thu yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Anh Thống cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn là không có cơ sở xem xét.

[3] Về con chung: 02 người con chung đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ghi nhận chị Thu, anh Thống không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Thu, anh Thống trình bày không thiếu nợ ai.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Lê Văn T1.

- Tuyên xử chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

2. Về con chung: 02 người con chung đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Thu, anh Thống không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Thu, anh Thống trình bày không thiếu nợ ai.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị Phạm Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0001466 ngày 09/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Phạm Thị T và anh Lê Văn T1 được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi chị T, anh T1 cư trú.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Minh Tuấn